

ẨN DỤ Ý NIỆM TRONG KỊCH HỒN TRƯƠNG BA, DA HÀNG THỊT CỦA LƯU QUANG VŨ

TRẦN THỊ LAN ANH *

Tóm tắt: Ẩn dụ ý niệm là hình thái tư duy của con người về thế giới, là công cụ hữu hiệu để con người ý niệm hóa các khái niệm trừu tượng. Ẩn dụ được xem như một công cụ quan trọng để con người tìm hiểu và khám phá chính bản thân mình. Việc vận dụng lý thuyết ẩn dụ ý niệm để tìm hiểu các tác phẩm văn chương là điểm khác biệt độc đáo của các nghiên cứu ẩn dụ ý niệm theo hướng ứng dụng ở Việt Nam so với những nghiên cứu ở nước ngoài. Trong bài viết này, tác giả khảo sát và phân tích những ẩn dụ trong vở kịch *Hồn Trương Ba, da hàng thịt*, qua đó hiểu rõ hơn con người cũng như quá trình tư duy của Lưu Quang Vũ.

Từ khóa: Ẩn dụ ý niệm, tri nhận, bầu chứa cơ thể

Abstract: Conceptual metaphor is a form of human thinking about the world, an effective tool for people to conceptualize abstract concepts. Metaphors are considered as an important tool for people to learn and discover themselves. Applying conceptual metaphor theory to understand literary works is the unique difference of conceptual metaphorical studies in an applied direction in Vietnam compared with those in foreign countries. In this article, we examine and analyze the metaphors in the play *Truong Ba's soul in the butcher's skin* to have a better understanding of people and the thinking process of Luu Quang Vu.

Keywords: Conceptual metaphor, cognitive, body container.

1. Dẫn nhập

Ngôn ngữ học tri nhận là một trào lưu nghiên cứu về ngôn ngữ xuất hiện và thịnh hành trên thế giới từ những năm 70 của thế kỷ trước và nở rộ ở Việt Nam trong những năm gần đây. Nhiều công trình nghiên cứu theo trào lưu này đã có những đóng góp mới cả về lý thuyết lẫn thực tiễn ứng dụng. Ngôn ngữ học tri nhận nghiên cứu ngôn ngữ trên cơ sở vốn kinh nghiệm, nhận thức của con người về thế giới khách quan cũng như cách thức

con người tri giác và ý niệm hóa các sự vật hiện tượng của thế giới khách quan đó.

Ẩn dụ ý niệm là hình thái tư duy của con người về thế giới, là một công cụ hữu hiệu để con người ý niệm hóa các khái niệm trừu tượng. Tư duy ẩn dụ dựa trên cơ sở các ý niệm. Ý niệm chịu tác động của phạm trù, điển dạng và các mô hình văn hóa, do đó, ý niệm không chỉ mang tính phổ quát mà còn mang tính đặc thù văn hóa - dân tộc. Bên cạnh đó, các ý niệm ẩn dụ còn mang tính nghiệm thân, tức là có cơ sở kinh nghiệm vật lý (thể chất) và những trải nghiệm về văn hóa của con người.

Cơ chế của ẩn dụ ý niệm tuân theo cơ chế ánh xạ kiểu lược đồ giữa hai miền không gian Nguồn và Đích. Ánh xạ ẩn dụ là đơn tuyến và có tính chất bộ phận. Các mô hình tri nhận thường nhấn mạnh vào bản chất tinh thần, kinh nghiệm tri giác và nhận thức khoa học của con người. Với vai trò là cơ sở của tư duy, ẩn dụ còn được xem như một công cụ quan trọng để con người tìm hiểu và khám phá chính bản thân mình.

Một điểm khác biệt độc đáo của các nghiên cứu ẩn dụ ý niệm theo hướng ứng dụng ở Việt Nam so với những nghiên cứu ở nước ngoài, đó là việc vận dụng lý thuyết ẩn dụ ý niệm để tìm hiểu văn chương, trong đó có kịch.

2. Kịch *Hồn Trương Ba, da hàng thịt* và những ẩn dụ ý niệm tiêu biểu

Hồn Trương Ba, da hàng thịt là vở kịch nổi tiếng (được lấy làm nhan đề cho tuyển tập kịch xuất bản năm 2013 của Lưu Quang Vũ). Đây là vở kịch được xây dựng từ một truyện cổ dân gian cùng tên, nhưng được tác giả đào sâu, mở rộng và

* TS - Khoa Khoa học Xã hội, Trường Đại học Tây Bắc; Email: lananhtbu2014@gmail.com

phát triển hơn rất nhiều. Nếu cốt truyện dân gian chỉ đơn giản đề cao, tuyệt đối hóa vai trò của linh hồn đối với thể xác thì trong kịch của Lưu Quang Vũ, mối quan hệ giữa linh hồn và thể xác là mối quan hệ hữu cơ, tác động qua lại lẫn nhau. Hơn nữa, thông qua những xung đột kịch, ông còn mở rộng tầm triết lý sang những vấn đề nhân sinh khác, như vấn đề xung đột giữa nhu cầu tự nhiên và nhân cách, vấn đề đấu tranh trong bản thân mỗi con người để hoàn thiện nhân cách làm người,...

2.1. Ấn dụ ý niệm Cơ thể là bầu chứa trong “Hồn Trương Ba, da hàng thịt”

Trong tiếng Việt, biểu thức ngôn ngữ chỉ toàn bộ cơ thể con người liên quan đến cách mã hóa thành ý niệm “bầu chứa” là *minh/thân/người* (tương đương với biểu thức *people* trong tiếng Anh). Trong *Metaphors we live by*, Lakoff và Johnson dựa trên ngữ liệu tiếng Anh đã cho thấy, người bản ngữ nói tiếng Anh tri nhận cả cơ thể con người như một “bầu chứa” thông qua lược đồ hình ảnh *Con người là những bầu chứa (people are containers)* và tình cảm được coi là những “chất lỏng” được chứa đựng trong cái “bầu chứa” cơ thể đó thông qua lược đồ hình ảnh *Tình cảm là các chất lỏng trong bầu chứa cơ thể (emotions are fluids in the (body) container)*.

Giống như người bản ngữ nói tiếng Anh, người Việt cũng tri nhận cơ thể như là một “bầu chứa” và các ý niệm tình cảm được xem như một cái gì đó bao trùm lên cả bầu chứa đó. Điều đặc biệt là trong cách tri nhận của người Việt, ngoài các ý niệm tình cảm được coi là các “chất chứa” thì còn có các ý niệm thuộc phạm trù tinh thần trừu tượng khác như: *linh hồn, trách nhiệm*,... cũng được mã hóa thành các “chất chứa” trong “bầu chứa” cơ thể. Ý niệm CƠ THỂ khi được mã hóa thành *Bầu chứa* đã tiếp tục được phân xuất, chia cắt thành các “ngăn chứa đựng” nhỏ hơn, tương ứng với một hoặc một tổ hợp các bộ phận cơ thể cụ thể. Khi đó, mỗi bộ phận cơ thể có một chức năng chứa đựng riêng và tương ứng với một bầu chứa riêng.

Trong kịch Lưu Quang Vũ, cơ thể được hình dung như một vật chứa đựng, hay là nơi trú ngụ cho tình cảm, cảm xúc, và đặc biệt là *linh hồn* con người. Vở kịch *Hồn Trương Ba, da hàng thịt* trong tuyển tập kịch đã chứng minh cho mối quan hệ giữa bầu chứa *Cơ thể* và vật được chứa đựng *Linh hồn* rõ ràng nhất. Từ việc kế thừa tư tưởng của

truyện cổ dân gian, ban đầu, Lưu Quang Vũ cũng nhấn mạnh vai trò cao hơn của linh hồn so với thể xác. Thể xác khi đó chỉ đơn thuần là “... cái vỏ bên ngoài, không có ý nghĩa gì hết, không có tư tưởng, không có cảm xúc!” [4, tr.63], “Cái hồn mới là phần chủ chốt của con người ta” [4, tr.50]. Xác anh hàng thịt cũng tự xác nhận: “Tôi là cái bình để chứa đựng linh hồn” [4, tr.64]. Tuy nhiên, Lưu Quang Vũ không dừng lại ở đó. Sự mã hóa cơ thể thành bầu chứa linh hồn trong ấn dụ *Cơ thể là bầu chứa* là cái cơ để Lưu Quang Vũ làm rõ mối quan hệ hữu cơ giữa thể xác và linh hồn con người. Đó không phải là hai ý niệm tồn tại độc lập, trái lại, chúng có mối quan hệ qua lại không thể tách rời. Linh hồn có cơ sở vật chất là thể xác; thể xác cũng có tiếng nói riêng, nhu cầu tự nhiên hợp lý, không thể bỏ qua. Mượn lời nhân vật Đé Thích, Lưu Quang Vũ cho ta thấy, cả bầu chứa “thể xác” lẫn vật được chứa đựng “linh hồn” sẽ chẳng có giá trị gì nếu không được gắn kết với nhau, không phù hợp với nhau:

- ...nếu đã lia khỏi nơi trú ngụ là thân xác, linh hồn con người sẽ chẳng là gì hết, chỉ là hư ảo thôi [4, tr.30].

Linh hồn là cái đảm bảo cho sự tồn tại của thể xác, kể cả khi nó “yếu ớt” thì nó vẫn là một “đốm sáng” soi rọi cho cái vỏ thể xác trống rỗng vô hồn kia:

- Cái đốm sáng mong manh nào trong ta vừa chợt lóe lên. Hỡi *linh hồn yếu ớt* của ta, hãy trở lại với ta,... [4, tr.57].

Linh hồn phải kiểm soát, điều chỉnh, cân bằng những nhu cầu của thể xác. Nói cách khác, con người nói chung phải biết kìm hãm, tiết chế những nhu cầu bản năng và nếu cần, biết đè nén, biết hy sinh những nhu cầu ấy để linh hồn và thể xác trở thành một thể thống nhất. Cả linh hồn và thể xác đều quan trọng, đều đáng quý, chúng ràng buộc nhau, là cơ sở tồn tại của nhau. Nếu không điều hòa được mối quan hệ hữu cơ ấy, chắc chắn sẽ dẫn tới tình trạng “nhất bên trọng, nhất bên khinh” như lời cảnh báo của xác anh hàng thịt với hồn Trương Ba:

- Những vị lấm chũr nhiều sách như các ông là hay vin vào cớ tâm hồn là quý, khuyên con người ta sống vì phần hồn, để rồi bỏ bê cho thân xác họ mãi khổ sở, nhếch nhác,... [4, tr.64].

Cuộc đấu tranh giữa linh hồn và thể xác trong vở kịch mang một tư tưởng triết lý cao cả, đó thực

sự là cuộc đấu tranh trong bản thân con người để làm chủ những nhu cầu, ham muốn, nhất là khi bị hoàn cảnh tác động. Đó cũng là cuộc đấu tranh để làm chủ bản thân và hoàn thiện nhân cách của mỗi con người. Ở đây, ẩn dụ phổ quát *Cơ thể là bầu chứa* đã có một sự dịch chuyển trong cấu trúc ý niệm khi đi vào văn bản kịch của Lưu Quang Vũ. Nếu trong ẩn dụ ý niệm phổ quát, mối quan hệ giữa vật chứa (*Cơ thể*) với vật được chứa đựng chỉ được nêu một cách chung chung thì trong kịch Lưu Quang Vũ, mối quan hệ này trở nên rõ ràng, được tính toán cẩn thận. Theo ông, cần có một sự tương thích, phù hợp nhất định giữa vật chứa đựng và vật được chứa đựng, sao cho sự kết hợp giữa chúng phải tạo thành một thể thống nhất hài hòa, giống như sự thống nhất hài hòa giữa “thể xác” và “linh hồn” của con người vậy.

2.2. Ẩn dụ ý niệm Tâm hồn (hồn) là bầu chứa trong “Hồn Trương Ba, da hàng thịt”

Trong tiếng Việt, tâm hồn (hồn) được ý niệm hóa như một thực thể tinh thần mà tôn giáo và triết học duy tâm cho là độc lập với thể xác, khi nhập vào thể xác thì tạo ra sự sống và tâm lý con người. Như vậy, *tâm hồn* (hay *hồn*) sẽ được tri giác như một bộ phận quan trọng của con người trong thể đối lập giữa hồn và xác.

Trong cách tri nhận của người Việt, mặc dù tồn tại vô hình, ý niệm *Tâm hồn (hồn)* vẫn được tri giác như một cơ quan chủ yếu của con người làm yếu tố chủ đạo cho mối quan hệ giữa con người và thế giới khách quan. *Tâm hồn* được “thực thể hóa” và trở thành một “vật” tồn tại hữu hình trong tâm thức của người Việt. *Tâm hồn (linh hồn/ hồn)* trước hết được xem như “vật được chứa đựng” trong bầu chứa toàn cơ thể. *Tâm hồn* còn được xem như một *Bầu chứa* những xúc cảm, tình cảm, sự mong muốn,... cùng những trạng thái tinh thần khác của con người. Điều này có thể dễ dàng nhận thấy trong các phát ngôn mang tính ẩn dụ thường ngày như: *tâm hồn cao cả, một tâm hồn phong phú, tâm hồn chứa đựng yêu thương, niềm vui tràn ngập tâm hồn,...*

Trong *Hồn Trương Ba, da hàng thịt* của Lưu Quang Vũ, tâm hồn được hình dung như một bầu chứa quý hiếm và giá trị. Bởi vậy, con người luôn phải có ý thức giữ gìn, nâng niu trân trọng, tránh làm hư hại và nếu có mất mát cũng phải tìm lại bằng được:

- *Những thói xấu hàng ngày nó làm hư hại tâm hồn, trí não của người ta bác ạ! Bà nhà bảo bữa cơm nào không có rượu là bác lại nhạt nhạt ngo ngẩn như người mất hồn ấy!* [6, tr.59].

- *Lạ thật, từ lúc tôi có đủ can đảm đi đến quyết định này, tôi lại cảm thấy mình là Trương Ba thật, tâm hồn tôi lại trở lại thanh thản, trong sáng như xưa,...* [6, tr.73].

- *Cả ơi, con hãy tìm lại tâm hồn thằng Cả ngày nào của thầy,...* Nếu không, con chết mất! [6, tr.78].

Trong cách tri nhận của Lưu Quang Vũ, *Tâm hồn* đã được mã hóa thành *Bầu chứa* có khả năng chứa đựng tất cả những giá trị về mặt tinh thần của con người ở cả hai phương diện: tích cực và tiêu cực. Tuy nhiên, tư duy của tác giả luôn hướng con người tới những giá trị tinh thần tích cực. Chính những biểu hiện tinh tế này đã góp phần làm nên nhân cách của tác giả - một con người đẹp, một tâm hồn đẹp.

2.3. Ẩn dụ ý niệm Bộ phận cơ thể (tim/lòng/bụng/tay/mắt...) là bầu chứa trong “Hồn Trương Ba, da hàng thịt”

Trong nhiều ngôn ngữ, tùy thuộc vào mô hình văn hóa khác nhau, một số bộ phận cơ thể con người thường được dùng để biểu trưng cho một số phạm trù như tinh thần, lý trí, nhận thức, tình cảm, thái độ, ý chí,... Trước hết, chúng được mã hóa thành những vật thể, vật chứa đựng hữu hình. Người ta nhận thấy có một mối liên hệ chặt chẽ giữa những trải nghiệm về tình cảm, ý chí, thái độ, ... và sự thay đổi của các bộ phận cơ thể cũng như cảm giác của các giác quan. Thêm vào đó, trong sự nhận thức ngây thơ về thế giới và về bản thân mình, con người còn cho rằng, tình cảm của con người bắt nguồn từ một bộ phận cơ thể nhất định và do bộ phận cơ thể đó điều tiết, cho nên khi trải nghiệm một tình cảm nào đó người ta đã kích thích không gian tâm trí tương ứng: dùng bộ phận cơ thể và những cảm giác của bộ phận cơ thể để đại diện cho tình cảm, hoặc hình dung tình cảm như những vật được chứa đựng trong một bộ phận cơ thể nào đó.

Trong cấu tạo cơ thể người, tim là bộ phận vận hành máu đến tất cả các bộ phận khác của cơ thể nên rất nhạy cảm với mọi sự biến đổi của cơ thể khi chịu sự tác động của các quá trình tâm - sinh lý của con người. Những trải nghiệm thực tế cho ta

thấy: khi lo lắng hay buồn phiền, dường như chúng ta cảm thấy có vật gì đè nặng lên lồng ngực làm cho nó xẹp xuống, kéo phần cơ thể phía trên (lưng, vai) thấp xuống, còn khi vui vẻ phần khởi, chúng ta thường có xu hướng đứng thẳng, ưỡn ngực và làm cho lồng ngực nở ra. Sự mã hóa trái tim như một bầu chứa được thể hiện ở những biểu thức ngôn ngữ thường gặp như: *sự đau đớn trong tim, trái tim chứa đầy lòng thù hận, trái tim ngập tràn tình yêu,...*

Trong kịch của Lưu Quang Vũ, trái tim không phải là bộ phận cơ thể gắn liền với tình cảm rõ rệt nhất (kết quả này tương hợp với các kết quả nghiên cứu về mối liên hệ giữa phạm trù tình cảm với bộ phận cơ thể người trong tiếng Việt), song cũng được tri nhận là nơi chứa đựng những trạng thái tinh thần, tình cảm đặc biệt.

Trong *Hồn Trương Ba, da hàng thịt*, sự biểu hiện của ẩn dụ ý niệm *Trái tim (ngực) là bầu chứa* cũng không thực sự nổi bật, tuy nhiên các biểu thức mang tính ẩn dụ lại mang những ý nghĩa vô cùng tích cực, giúp con người nhận thức được một thực tế: sau tất cả mọi điều, đạt đến sự “bình an trong tim” (an tâm) mới là điều quan trọng. Nói như cách của nhân vật Trương Ba:

- Đánh cờ làm cho trí mình sáng, mà trí sáng thì tâm sẽ bình thản. *Có gì khó bằng sự bình thản trong tâm hả bác?* [4, tr.19].

Bên cạnh trái tim, trong văn hóa của người Việt, *bụng* và những bộ phận của *bụng* (như *lòng, dạ, ruột,...*) trở thành biểu tượng cho phạm trù tinh thần của con người. Chúng là công cụ biểu hiện tư duy, tâm lý, tình cảm, ý chí, sức chịu đựng,... của con người. *Bụng/lòng/dạ,...* được tri nhận như những *Bầu chứa* và là cơ sở hình thành ẩn dụ ý niệm *Bụng (lòng/dạ) là bầu chứa*.

Với mô hình tri nhận nghiệm thân liên quan đến phương thẳng đứng của cơ thể, nếu xét theo tiêu chí nông - sâu thì *bụng (lòng/dạ)* có “chiều sâu” hơn các bộ phận như *tim* hay *đầu*. Theo đó, đối với người Việt, những tâm tư tình cảm, những trạng thái tâm lý,... nếu không muốn lộ ra cho người khác biết sẽ được “yên tâm” gửi gắm ở nơi chứa đựng “sâu kín” này. Bởi vậy mới có những cách nói: *sống để bụng, chết mang theo, tình cảm chôn chặt tận đáy lòng, giấu kín trong lòng,...*

Những trải nghiệm mang tính nghiệm thân này

ăn sâu vào nếp nghĩ, nếp tư duy làm hình thành ẩn dụ ý niệm *Bụng (lòng/dạ) là bầu chứa* một cách hết sức tự nhiên. Các biểu thức ngôn ngữ chứa ẩn dụ ý niệm *Bụng (lòng/dạ) là bầu chứa* trong thơ và kịch của Lưu Quang Vũ cũng không nằm ngoài quy luật này. Những trạng thái tình cảm/cảm xúc, những biểu hiện tinh thần trở thành các “vật được chứa đựng” rất phong phú và đa dạng. Đó có thể là: *niềm vui, nỗi buồn, sự lo lắng, nỗi xót xa, lời yêu thương,...*

- Tiền làm vườn chỉ đủ nuôi thân ông Trương Ba chứ không đủ nuôi ông hàng thịt. *U lo thất ruột*, nhưng không dám hé răng với thầy, chỉ còn biết trông cậy vào tôi, vào đồng tiền tôi buôn bán chạy chợ mang về,... [4, tr.45].

Trong cách tri nhận của người Việt, đôi mắt được coi là “cửa sổ tâm hồn”, thần thái của đôi mắt có thể biểu hiện trí lực và tình cảm của con người. Thậm chí, khi muốn nhận biết và đánh giá nhân cách của một người, người ta cũng thường dựa vào đôi mắt của người đó. Mắt còn được tri nhận như một bầu chứa, với tất cả những đặc điểm của một vật chứa đựng có không gian bên trong và bên ngoài. Bên cạnh đó, con người còn ý niệm hóa “trường nhìn” của mắt như một vật chứa đựng và những gì chúng ta nhìn thấy là những vật ở trong đó. Lakoff và Johnson cho rằng: “Khoảng không gian vật chất được bao bọc là một vật chứa và tầm nhìn của chúng ta có tương quan với khoảng không gian vật chất được bao bọc này, ý niệm mang tính ẩn dụ *Trường nhìn là vật chứa* xuất hiện một cách tự nhiên” [5].

Trong kịch Lưu Quang Vũ, hầu hết các biểu thức ngôn ngữ liên quan đến mắt đều thuộc ẩn dụ *Trường nhìn là bầu chứa*. Ở đây, *Trường nhìn* được hình dung là một phạm vi không gian giới hạn. Những sự vật, sự việc,... nằm trong tầm nhìn của mắt là những vật được chứa đựng trong phạm vi không gian giới hạn ấy:

- Hoàn cảnh khiến người ta nhìn nhau cạnh hẹp chẳng ra làm sao [4, tr.19].

- Nhờ có đôi mắt của tôi, ông cảm nhận thế giới này qua những giác quan của tôi [4, tr.64].

Tay trong cách tri nhận của Lưu Quang Vũ cũng là một bộ phận có khả năng chứa đựng - một *Bầu chứa*. Trong kịch Lưu Quang Vũ, những biểu thức ngôn ngữ chứa ẩn dụ ý niệm liên quan đến

“tay” thường biểu đạt cho ý nghĩa: tay biểu trưng cho quyền lực và sức mạnh. Nói cách khác, “tay” là bộ phận kiểm soát quyền lực và sức mạnh. Có thể hình dung quyền lực và sức mạnh là “vật được chứa đựng” trong “bầu chứa tay”. Trong kịch *Hồn Trương Ba, da hàng thịt*, quyền lực và sức mạnh là vật nằm trong tay của một số ít người, đó là những người có địa vị xã hội, có chức quyền. Khi đó, mọi sự vụ hay số phận con người bên ngoài vương trôn ra sao đều là do bàn tay “nhào nặn” của những người “nắm quyền” này:

- Ông lý say, thầy đừng nóng!... Thầy đừng tưởng tôi vui về gì! Tồn kém với nó lắm!... Nhưng trong làng này *quyền bính ở tay nó cả*, mình muốn được việc, phải ăn cút nó mình cũng phải ăn! [6, tr.62].

Trong kịch Lưu Quang Vũ, *Miệng (mồm)* cũng là một dạng *Bầu chứa* vô cùng đặc biệt. Chẳng hạn, những điều không nên nói, chưa được nói hoặc cần giữ bí mật sẽ là những dạng “vật chất” được cất giữ kín đáo trong bầu chứa mồm (miệng). Trong vở *Hồn Trương Ba, da hàng thịt*, tiên cò Đệ Thích phải giao ước với Trương Ba và Trương Hoạ để có thể thỉnh thoảng trốn thiên đình xuống hạ giới đánh cờ:

- Vậy thì từ nay, thỉnh thoảng tôi lên xuống đánh cờ với các ông nhá! Nhưng *các ông phải kín mồm kín miệng cho*, đừng nói cho ai biết [4, tr.21].

Trương Hoạ và Trương Ba cũng hứa hẹn trở lại:

- Chuyện này *miệng tôi sẽ kín như bưng!* [4, tr.21], ...Chuyện này hai ta đã hứa là sẽ *kín miệng* [4, tr.38].

Khi bầu chứa mồm (miệng) vì một lý do nào đó không giữ cho kín đáo được, người ta sẽ tìm cách sửa chữa, khắc phục bằng cách hàn gắn lại, bịt lại:

- Việc cô tiên Mẫu Đơn, khắp thiên đình người ta đồn đại, nhưng bà Vương Mẫu thì *tìm cách bịt đi cho êm chuyện* [6, tr.26].

Những biểu thức ngôn ngữ khác như “giữ mồm giữ miệng”, “mở miệng”,... cũng là những minh chứng tiêu biểu cho ẩn dụ ý niệm này.

3. Kết luận

Bài viết vận dụng những luận điểm cơ bản của ngôn ngữ học tri nhận, đặc biệt là lý thuyết ẩn dụ ý niệm để tìm hiểu một số ẩn dụ ý niệm tiêu biểu trong vở kịch *Hồn Trương Ba, da hàng thịt* của Lưu Quang Vũ. Những phân tích, luận giải về các ẩn dụ trong tác phẩm cung cấp thêm một cái nhìn về bản chất của ẩn dụ, cụ thể là coi ẩn dụ là hiện tượng tương tác giữa bộ ba ngôn ngữ, tư duy và văn hóa. Bên cạnh đó còn đặc biệt nhấn mạnh đến vai trò của ẩn dụ trong việc hình thành ý niệm - một ánh xạ tinh thần đặc biệt có ảnh hưởng quan trọng đến cách tư duy và hành động của con người trong cuộc sống hàng ngày.

Các mô hình ẩn dụ trong kịch *Hồn Trương Ba, da hàng thịt* được phân tích trong bài viết (bao gồm *Cơ thể là bầu chứa, tâm hồn (hồn) là bầu chứa, bộ phận cơ thể (tim/lòng/bụng/tay/mắt,...) là bầu chứa*) còn phần nào giúp độc giả - những người yêu thích tác phẩm Lưu Quang Vũ nắm bắt rõ hơn về quá trình tư duy, khám phá thế giới của tác giả phản chiếu qua ngôn ngữ, từ đó nhận ra phong cách riêng của tác giả cùng những sáng tạo nghệ thuật được xây dựng từ nền tảng của văn học dân tộc và nhân loại.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Trần Văn Cơ, *Ngôn ngữ học tri nhận - ghi chép và suy nghĩ*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2007.
- [2] Trần Văn Cơ, *Ngôn ngữ học tri nhận: Từ điển, tương giải và đối chiếu*, Nxb. Phương Đông, 2011.
- [3] Lý Toàn Thắng, *Ngôn ngữ học tri nhận: Từ lý thuyết đại cương đến thực tiễn tiếng Việt*, Tái bản, có sửa chữa và bổ sung, Nxb. Phương Đông, Hà Nội, 2009.
- [4] Lưu Quang Vũ (Tuyển kịch), *Hồn Trương Ba da hàng thịt*, Nxb. Hội Nhà văn, Hà Nội, 2013.
- [5] Lakoff G. & Johnson M., *Metaphors we live by*, Chicago, London, 1980.
- [6] Lakoff G., *Women, Fire and Dangerous Things, What Categories Reveal About the Mind*, Chicago: University of Chicago Press, 1987.